TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019
Về tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con chung*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành Ngọc;**

2. Bà **Dương Thị Tư.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2018/ST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị N N**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Nhà số xxA, tổ 15, ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lê T T**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Nhà số x/xxB, ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018, lời trình bày trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị N N trình bày:

Chị và anh Lê T T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện H. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức

lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc , sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và anh T cờ bạc gây nợ nần, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê P T, sinh ngày xx/xx/20xx. Hiện cháu đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị N và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung có Lê P T, sinh ngày xx/xx/20xx, hiện cháu T còn nhỏ và đang sống cùng chị nên giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt chị N và anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều

228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N N và anh Lê T T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2016, hôn nhân là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 06/2018 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Qua xác minh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Có 01 người con tên là Lê P T, sinh ngày 26/9/2016. Hiện cháu T đang sống ổn định cùng với chị N, nên giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là hợp lý. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là hợp lý nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị N N đối với anh Lê T T. Giữa chị N và anh T không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê P T, sinh ngày 26/9/2016 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng

theo biên lai thu số 0012672 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị N, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hảo Phát

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.